| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH AN GIANG**<br>Bản án số: **86**/2021/DS-PT<br>Ngày 05 - 7 - 2021<br>V/v tranh chấp "Quyền sử dụng đất" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thúy Hà

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Đào Chí Keo

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang***: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2021/QĐPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1931;

Nơi cư trú: ấp A T, xã HA, huyện CM, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thiện Th, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp A T, xã HA, huyện CM, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 25/4/2019 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thanh Ái Duyên là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Bàn H, sinh năm 1966 (Có mặt);

Nơi cư trú: ấp A T, xã HA, huyện CM, tỉnh AG.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Bàn H là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Trần Văn T ủy quyền cho ông Trần Thiện Th trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông T. Năm 1976, ông T có mua đất cặp ranh ngang 4m, dài 70m của ông Đặng Ngọc Lợi nhưng không làm giấy tờ, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T sử dụng đất từ đó đến năm 2006 thì bà Trần Thị Bàn H lấn ranh nên đã khởi kiện đến Tòa án. Tòa án Chợ Mới đã tuyên xử buộc bà H bồi thường thiệt hại nhưng không xử tranh chấp đất do theo Luật đất đai năm 2003 không thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bà H là người sử dụng đất liền kề, quá trình sử dụng đất có lấn chiếm diện tích khoảng 410m$^2$, việc tranh chấp đã được UBND xã Hòa An hòa giải nhưng không thành, sau khi Tòa án tiến hành đo đạc thì diện tích bà H lấn chiếm tổng cộng 325,1m$^2$ đã làm trụ đá và rào lưới B40.

Nay ông yêu cầu bà H phải tháo dỡ trụ đá, lưới B40 để trả lại diện tích đất 41,5m$^2$ theo kết quả đo đạc thực tế và xin rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 368,5m$^2$, trong đó có 283,6m$^2$ theo các mốc điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 do bà H quản lý, sử dụng và trồng trụ đá, rào lưới B40.

Năm 1998, ông T có thuê đất và có thỏa thuận cho chặt cây tạp để làm rẫy và được bà H đồng ý nên ông có chặt 20 cây sao còn nhỏ khoảng cùm tay, nay ông không đồng ý với yêu cầu bồi thường của bà H.

Bị đơn là bà Trần Thị Bàn H trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu của ông T về yêu cầu trả đất. Bà là người sử dụng đất liền kề với đất của ông T và có làm hàng rào ranh giữa hai bên. Nguồn gốc đất do ông nội để lại cho cha của bà và cha sang nhượng lại theo Tờ sang nhượng đất vườn ngày 15/11/2005 giữa ông Trần Văn Thiệp với bà H. Năm 2014, khi bà đi làm ăn không có ở nhà ông T qua chặt 50 cây sao khoảng 20 năm tuổi của bà. Ngày 11/10/2016, ông T thừa nhận có chặt 20 cây sao của bà tại Tư pháp xã và có lập biên bản. Bà yêu cầu ông T bồi thường 20 cây sao trị giá 80.000.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Chợ Mới, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc bà Trần Thị Bàn H có nghĩa vụ di dời các trụ đá và lưới rào B40 trả lại cho ông Trần Văn T diện tích đất 41,5m$^2$ tại các mốc điểm 4,5,19,20 theo Sơ đồ đo đạc ngày 27/8/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T yêu cầu bà Trần Thị Bàn H trả lại diện tích đất 368,5m$^2$ đo đạc thực tế là diện tích đất 283,6m$^2$ tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 27/8/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bàn H yêu cầu ông Trần Văn T bồi thường thiệt hại 20 cây sao trị giá 80.000.000đ. Do nguyên đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án và thời hiệu khởi kiện đã hết.

Về chi phí tố tụng: Chi phí định giá 1.000.00đ (nguyên đơn tạm nộp) nguyên đơn phải chịu 500.000đ, bị đơn phải chịu 500.000đ. Chi phí đo đạc 3.238.400đ (nguyên đơn nộp 1.391.500đ, bị đơn nộp 1.846.900đ) nguyên đơn phải chịu 647.300đ, bị đơn phải chịu là 2.591.100đ. Bà Trần Thị Bàn H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Văn T số tiền 1.217.200đ.

Về án phí DSST:

Ông Trần Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho ông Trần Văn T số tiền 513.000đ theo Biên lai thu số 0013849 ngày 3/5/2017.

Bà Trần Thị Bàn H phải chịu án phí là 622.500đ được khấu trừ vào tiền tạm nộp áp phí 2.100.000đ theo Biên lai thu số 0014010 ngày 7/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới hoàn được nhận lại số tiền 1.477.500đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20 tháng 4 năm 2021 bà Trần Thị Bàn H nộp Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phúc xử: Hủy hoặc sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông T, chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông T bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000đ.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Bàn H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Bàn H kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà H theo trình tự phúc thẩm.

Ông Trần Văn T ủy quyền cho ông Trần Thiện Th theo Giấy ủy quyền ngày 25/4/2019. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 138 và Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là bà Trần Thị Bàn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm phúc xử: Hủy hoặc sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông T, chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông T bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000đ.

[3] Về kháng cáo của bà H, xét thấy ông T và bà H là người ở giáp ranh với nhau, hiện nay đất của ông T và bà H đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất, bà H có làm hàng rào để xác định ranh giới bằng trụ đá và lưới B40. Ngày 5/4/2018 Tòa án đã tiến hành đo đạc theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 27/4/2018 thể hiện đất của bà H có diện tích 3.197,6m$^2$ được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 14. Sau khi Tòa án kết hợp với các cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc thì bà H tự ý thay đổi hiện trạng ban đầu, tiến hành di dời hàng rào bằng trụ đá và lưới B40 lấn qua đất của ông T đang quản lý sử dụng. Theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 27/8/2020 thì phần đất bà H di dời hàng rào trồng 9 trụ đá và lưới B40 qua đất ông T có diện tích 41,5m$^2$ được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 19, 20. Do đó, án sơ thẩm đã buộc bà H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào để trả lại cho ông T phần đất diện tích 41,5m$^2$ là có căn cứ.

Việc ông T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà H trả lại phần đất diện tích 368,5m$^2$ đo đạc thực tế có diện tích 283,6m$^2$ theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 27/8/2020 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Xét thấy, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà H yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại 20 cây sao trị giá 80.000.000đ, ông T không đồng ý và có Đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà H. Xét thấy, ông T thừa nhận có chặt các cây sao do bà H trồng vào năm 2004 nhưng đến năm 2009 bà H có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới giải quyết và được Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Chợ Mới hòa giải vào ngày 7/5/2009 nhưng kết quả hòa giải không thành. Đến tháng 5/2017 bà H làm Đơn phản tố yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại 20 cây sao trị giá 80.000.000đ và được Tòa án thụ lý ngày 7/6/2017. Căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc …" và Điều 588 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Thời

hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm". Như vậy, ông T chặt phá cây của bà H vào năm 2004 nên tính đến tháng 5/2017 bà H mới có yêu cầu bồi thường thiệt hại là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó, án sơ thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ yêu cầu phản tố của bà H là có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông T đã nộp 2.391.500 đồng và bà H đã nộp 1.846.900 đồng, tổng cộng là 4.238.400 đồng tạm ứng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ. Yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận một phần nên ông T phải nộp 1.147.300 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp. Bà H phải nộp 3.091.100 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 1.846.900 đồng nên bà H phải giao lại cho ông T số tiền 1.244.200 đồng.

[6] Về án phí:

Cấp sơ thẩm buộc bà H phải nộp 622.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác, vì tranh chấp giữa ông T và bà H là tranh chấp quyền sử dụng đất nên bà H phải nộp án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo và Viên kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, Khoản 2 Điều 308, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 138, Điều 140, Điều 166, Điều 168, Điều 588 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Bàn H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc bà Trần Thị Bàn H có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào trụ đá và lưới B40 để trả lại cho ông Trần Văn T phần đất diện tích 41,5m$^2$ theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 27/8/2020 được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 19, 20, tọa lạc tại ấp A T, xã HA, huyện CM, tỉnh AG.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T yêu cầu bà Trần Thị Bàn H trả lại phần đất diện tích 368,5m$^2$ đo đạc thực tế có diện tích 283,6m$^2$ theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 27/8/2020 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, tọa lạc tại ấp A T, xã HA, huyện CM, tỉnh AG.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bàn H yêu cầu ông Trần Văn T bồi thường thiệt hại 20 cây sao trị giá 80.000.000 đồng.

6. Về chi phí tố tụng:

6.1 Ông Trần Văn T phải nộp 1.147.300 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào số tiền 2.391.500 đồng tạm ứng đã nộp.

6.2 Bà Trần Thị Bàn H phải nộp 3.091.100 đồng chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào 1.846.900 đồng tiền tạm ứng đã nộp. Bà Trần Thị Bàn H phải giao lại cho ông Trần Văn T số tiền 1.244.200 đồng.

7. Về án phí:

7.1 Ông Trần Văn T được nhận lại 513.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0013849 ngày 3/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

7.2 Bà Trần Thị Bàn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 2.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014010 ngày 7/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới nên bà H còn được nhận lại 1.800.000 đồng.

7.3 Bà Trần Thị Bàn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007641 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND.H.Chợ Mới
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Sơn** **Đào Chí Keo** **Trần Thị Thúy Hà**